TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG DÂN** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2021/HNGĐ - ST
Ngày: 26/4/2021.
"V/v tranh chấp xin ly hôn và nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG DÂN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lâm Bé Nhi**

- Các Hội thẩm nhân dân 1/ Ông **Lại Thiện Phong**

2/ Bà **Nguyễn Thị Hiểu.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Thái Kim Phương** - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân tham gia phiên tòa: Bà **Lê Huyền Mao** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 273/2020/TLST – HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2020 về việc: "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- ***Bị đơn***: Anh **Nguyễn Văn P**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn P vắng mặt tại phiên tòa, nhưng chị T có làm đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Thị Nguyễn Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: chị với anh Nguyễn Văn P có tổ chức cưới nhau trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ninh Hòa vào ngày 08/3/2007. Trong thời gian đầu, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, nhưng

sau thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên anh P và chị đã ly thân với nhau khoảng 07 năm nay, không hàn gắn được. Chị T xác định không còn tình cảm và không thể kéo dài cuộc sống hôn nhân với anh P, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn P

Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị T xác định quá trình chung sống chị và anh P có 01 người con chung là cháu Nguyễn Ngọc Trân, sinh ngày 06/02/2008 hiện hai cháu đang sống chung với chị. Khi ly hôn tùy theo nguyện vọng của con, cháu Trân muốn sống với chị thì chị nuôi và không yêu cầu anh P cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị không có yêu cầu gì.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn P không có mặt tại địa phương nên Tòa án không án tiến hành lấy lời khai được. Qua xác minh chính quyền địa phương xác định anh P vẫn còn đăng ký thường trú tại xã Ninh Hõa, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu, lâu lâu có địa phương một lần. Do đó Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định pháp luật. Thẩm phán chuyển trể hồ sơ cho Viện kiểm sát.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi tham gia tố tụng cho đến nay, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn P.

2. Về quan hệ con chung: Ghi nhận nguyện vọng của cháu Nguyễn Ngọc Trân sống muốn sống cùng chị Nguyễn Thị T. Tiếp tục giao cháu Nguyễn Ngọc Trân, sinh ngày 06/02/2008 cho chị T nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục. Anh Nguyễn Văn P không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng anh có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản;

3. Về quan hệ tài sản: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Ngoài ra chị T còn phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn P và yêu cầu giải quyết về con chung nên căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án thụ lý giải quyết vụ án về "Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con".

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Nguyễn Văn P có nơi đăng ký thường trú tại ấp N, xã N, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân thụ lý giải quyết.

[3] Nguyên đơn chị Nguyễn Thih Thúy mặc dù vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu được xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với chị T. Riêng bị đơn anh Nguyễn Văn P vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Văn P.

Về nội dung:

[4] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn P có tổ chức đám cưới với nhau trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ninh Hòa, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 08/3/2007 nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh P là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình chung sống đến nay, chị T xác định giữa chị và anh P phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nên hai vợ chồng đã không còn chung sống với nhau và đã ly thân với nhau 07 năm nay và không hàn gắn được. Mặc dù không ghi nhận được ý kiến của anh P, tuy nhiên qua xác minh tại địa phương đối với ông Nguyễn Vũ Phường – Trưởng ấp, xác định giữa chị T và anh P có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm và cả hai đã sống ly thân nhiều năm nay. Từ đó cho thấy cuộc sống hôn nhân của chị T và anh P đã rất trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, cả hai đã bỏ mặc nhau, không ai còn quan tâm đến ai nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, cho chị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn P.

[5] Về quan hệ con chung: Chị T và anh P có 01 người con chung là cháu Nguyễn Ngọc Trân, sinh ngày 06/02/2008 hiện cháu đang sống chung với chị T. Qua ý kiến của cháu Trân thì nguyện vọng của cháu là muốn sống cùng chị T và chị T đồng ý nuôi cháu Trân, không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng. Xét thấy, xuất

phát từ nguyện vọng chính đáng của cháu Trân và từ nhỏ cho đến nay chị T và cháu Trân sống cùng nhau, đã có cuộc sống, môi trường ăn, ở, học ổn định. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận nguyện vọng của cháu Trân và tiếp tục giao cháu Nguyễn Ngọc Trân, sinh ngày 06/02/2008 cho chị T nuôi dưỡng, trong nôm, chăm sóc, giáo dục. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nên anh P không phải cấp dưỡng cháu Trân nhưng anh có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản.

[6] Về quan hệ tài sản: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Về ý kiến phát biểu việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên: Hội đồng xét xử xét thấy việc đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ và được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị T. Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn P.

2. Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Ngọc Trân, sinh ngày 06/02/2008 cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng, trong nôm, chăm sóc, giáo dục. Anh Nguyễn Văn P không phải cấp dưỡng cháu Trân nhưng anh được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản.

3. Về quan hệ tài sản: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Ghi nhận chị T đã dự nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0003353

ngày 16/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nay chuyển thu toàn bộ số tiền trên thành án phí.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ. Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp và cấp trên được quyền kháng nghị bản án này theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Hồng Dân;
- Chi cục THADS huyện Hồng Dân;
- UBND xã Ninh Hòa;
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lâm Bé Nhi